

Bản án số: 15/2026/HS-ST
Ngày: 12/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Láng

Bà Hoàng Thị Thào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hiện – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Ma Thế Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2026/TLST-HS ngày 29/01/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2026/QĐXXST-HS ngày 26/02/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Cao Văn P** (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 04/11/1990 tại xã C, tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: Thôn H, xã C, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Đức N (Đã chết) và bà Lương Thị Y, sinh năm 1964; Vợ, con: Không có; Tiền án: 01 - Ngày 06/6/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt 09 (C) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 22/2023/HSST. Chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 08/11/2007 bị Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) về hành vi “Cố ý gây thương tích” theo Quyết định số 39/QĐ-XPHC.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Bà Triệu Thị H, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn H, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Ma Văn H1, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/10/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CQCSĐT) Công an tỉnh T tiếp nhận tin báo về tội phạm của bà Triệu Thị H, sinh năm 1959, trú tại thôn H, xã C, tỉnh Thái Nguyên với nội dung: Ngày 12/10/2025 gia đình bà H bị mất trộm tài sản là 11 (Mười một) con gà, loại gà ta, trong đó có 07 (bảy) con gà trống và 04 (Bốn) con gà mái đang được nuôi nhốt tại chuồng gà của gia đình.

Qua xác minh, CQCSĐT Công an tỉnh T xác định Cao Văn P, sinh năm 1990, trú tại thôn H, xã C, tỉnh Thái Nguyên là người đã thực hiện hành vi trộm cắp 11 (Mười một) con gà nêu trên của bà Triệu Thị H.

*** Tại giai đoạn điều tra, truy tố:** Cao Văn P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình về thời gian, địa điểm, mục đích, quá trình thực hiện hành vi phạm, thủ đoạn và tài sản đã trộm cắp được. Cụ thể:

Khoảng 02 giờ sáng ngày 12/10/2025, P một mình đi bộ từ nhà mình đến khu nhà khách của Ủy ban nhân dân huyện B (cũ) để chơi hội chợ đang được tổ chức tại đây. Khi đang ngồi chơi do không có tiền tiêu xài nên P đã nảy sinh ý định tìm tài sản của một số nhà dân khu vực xung quanh để trộm cắp và đã nghĩ đến nhà bà Triệu Thị H có một khu chuồng chăn nuôi gà ở gần đó. P đi bộ vòng quanh thì nhặt được 01 (Một) chiếc xà cày bằng sắt phi 8, dài 85cm và 02 (Hai) bao tải dứa rồi tiếp tục đi lên sườn đồi nơi có chuồng gà. Tại đây, P dùng chiếc xà cày cạy khóa mở chuồng gà rồi dùng tay bắt 11 (Mười một) con gà gồm 07 (Bảy) con gà trống và 04 (Bốn) con gà mái rồi cho vào 02 (Hai) bao tải đã nhặt được trước đó rồi mang bao tải đi về.

Đến khoảng 05 giờ cùng ngày, P mang 11 (Mười một) con gà trộm được bán cho ông Ma Văn H1, sinh năm 1965, trú tại thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên được số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Số tiền này P đã chi tiêu hết cho mục đích cá nhân.

Sau khi tiếp nhận tin báo của bà Triệu Thị H, Công an xã C đã tiến hành xác minh, lập biên bản sự việc và tạm giữ 11 (Mười một) con gà trên theo quy định. Tiến hành cân xác định 11 (Mười một) con gà có tổng khối lượng 18kg (Mười tám kilôgam). P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng của vụ án gồm: 11 (Mười một) con gà, loại gà ta, trong đó có 07 (bảy) con gà trống và 04 (Bốn) con gà mái, tổng khối lượng 18kg (Mười tám kilôgam).

Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 11/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 11 (Mười một) con gà, loại gà ta, trong đó có 07 (bảy) con gà trống và 04 (Bốn) con gà mái, tổng khối lượng 18kg (Mười tám kilôgam) có giá trị là 2.340.000đ (Hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) tại thời điểm định giá.

Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 09/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (Một) ổ khóa bằng inox, nhãn hiệu Việt Tiệp và 01 (Một) thanh ngang ổ khóa có giá trị là 210.000đ (Hai trăm mười nghìn đồng) tại thời điểm định giá.

Tại cáo trạng số 22/CT-VKSKV9 ngày 26/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên đã truy tố Cao Văn P về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

*** *Tại phiên tòa:***

- Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình như Cáo trạng đã nêu

- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định. Bị hại đã được trả lại tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được xác định không có quyền lợi nào bị xâm phạm hoặc nghĩa vụ gì đối với bị cáo, không có thiệt hại gì nên những người này đều không yêu cầu giải quyết trách nhiệm bồi thường dân sự đối với bị cáo. Đối với các vấn đề khác trong vụ án đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên duy trì quyền công tố tại phiên tòa:* Giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

+ Tuyên bố bị cáo Cao Văn P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; Các Điều 38; 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS. Xử phạt bị cáo Cao Văn P từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Đề nghị xem xét tình tiết bị cáo có bố đẻ là ông Cao Đức N có “Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến” là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS khi lượng hình đối với bị cáo.

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

+ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) chiếc xà cây bằng sắt phi 8, dài 85cm và 01 (Một) ổ khóa bằng inox nhãn hiệu Việt Tiệp gắn với 01 (Một) thanh ngang ổ khóa bị gãy.

+ Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Tại phần tranh luận: Bị cáo nhất trí với nội dung luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, không tự bào chữa, không tranh luận.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị HĐXX áp dụng mức án thấp nhất cho bị cáo để bị cáo có cơ hội cải tạo, sớm trở về tái hòa nhập gia đình và cộng đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; chứng cứ, tài liệu do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập, do bị cáo cung cấp:* Xét thấy đảm bảo theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuy nhiên họ đã có đầy đủ lời khai tại giai đoạn điều tra và có đơn xin xét xử vắng mặt đúng quy định, việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về tội danh:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa nhất quán với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường cũng như với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó đủ cơ sở xác định:

Khoảng 02 giờ sáng ngày 12/10/2025, tại thôn H, xã C, tỉnh Thái Nguyên, Cao Văn P đã đột nhập trái phép vào khu nhà đặt chuồng gà của bà Triệu Thị H rồi dùng 01 (Một) chiếc xà cây bằng sắt phá ổ khóa để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 11 (Mười một) con gà, loại gà ta, trong đó có 07 (Bảy) con gà trống và 04 (Bốn) con gà mái thuộc quyền sở hữu của bà H. Tổng giá trị 11 (Mười một) con gà bị lấy trộm là 2.340.000đ (Hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự với lỗi cố ý đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo là người đủ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đầy đủ nhận thức và không bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi của mình, bản thân bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, thấy trước hậu quả của hành vi nhưng vì mục đích thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên vẫn cố ý thực hiện.

Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Cao Văn P về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 173 có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

... ..

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tội phạm Cao Văn P thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, tuy nhiên cũng gây ảnh hưởng xấu đến việc đảm bảo an ninh trật tự cũng như việc thực hiện đường lối, chính sách của

Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước tại địa phương, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

- Nhân thân: Năm 2007 bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”, đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện, sửa chữa lỗi lầm mà lại tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật vào năm 2023 dẫn đến việc bị xử phạt 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này (12/10/2025) cho thấy bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật kém, không có tinh thần thương tôn pháp luật.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; đã xin lỗi bị hại và bồi hoàn cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đầy đủ số tiền đã nhận được từ hành vi bán tài sản trộm cắp. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51/BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS.

[5] Về hình phạt:

Trên cơ sở quy định của Bộ luật hình sự, HĐXX cân nhắc về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy:

Về hình phạt chính: Cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với thực tiễn xét xử tại địa phương để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh bị cáo là lao động tự do, bản thân nghiện ma túy, thu nhập từ việc làm thuê đều chi tiêu vào việc sử dụng các chất gây nghiện nên bị cáo không có tích lũy hoặc tài sản riêng gì có giá trị, việc áp dụng hình phạt bổ sung là không khả thi, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự

Bị hại Triệu Thị H đã được trả lại tài sản, đồng thời cùng với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đề nghị xem xét trách nhiệm bồi thường dân sự đối với bị cáo.

Do đó, HĐXX không xem xét, giải quyết về trách nhiệm dân sự trong vụ án này.

[7] Về vật chứng:

Gồm có:

+ 11 (Mười một) con gà, loại gà ta, trong đó có 07 (Bảy) con gà trống, 04 (Bốn) con gà mái là tài sản của bà Triệu Thị H. Quá trình điều tra, bà H đã chứng

minh được quyền sở hữu hợp pháp của mình nên được CQCSĐT trả lại theo quy định, HĐXX xét thấy là phù hợp.

+ 02 (Hai) bao tải chứa bị cáo nhốt được trên đường, đã dùng để đựng gà trộm cắp mang đi bán, người mua gà đã tiêu hủy do đó CQCSĐT không thu hồi được, nên không xử lý, HĐXX xét thấy là phù hợp.

+ 01 (Một) chiếc xà cày bằng sắt phi 8, dài 85cm, bị cáo nhốt được trên đường không xác định được chủ sở hữu là ai, bị cáo dùng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội do đó cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (Một) ổ khóa bằng inox, nhãn hiệu Việt Tiệp gắn với 01 (Một) thanh ngang ổ khóa bị gãy là tài sản của bà Triệu Thị H, đã hỏng nên bà H không đề nghị lấy lại, do đó cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân:

Xét thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với đề nghị xem xét áp dụng “Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến” của ông Cao Đức N (Bố đẻ của bị cáo Cao Văn P) là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS: HĐXX xét thấy, đây là giấy chứng nhận đề nghị ghi nhận về việc một người đã tham gia vào một hoạt động hoặc công việc nhất định và không phải hình thức khen thưởng, tặng thưởng do có thành tích xuất sắc theo quy định pháp luật. Do đó không phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51, 52 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, không có căn cứ áp dụng tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo.

[9] Về vấn đề khác:

- Đối với ông Ma Văn H1: Quá trình điều tra xác định được, khi P hỏi bán gà cho ông H1 thì không nói cho ông H1 được biết nguồn gốc gà là do phạm tội mà có nên ông H1 không được biết và không liên quan gì đến hành vi phạm tội của P, do đó CQCSĐT không xem xét, xử lý đối với ông H1, HĐXX xét thấy là phù hợp.

- Đối với hành vi Cao Văn P làm hư hỏng 01 (Một) ổ khóa bằng inox, nhãn hiệu Việt Tiệp gắn với 01 (Một) thanh ngang ổ khóa bị gãy của bà Triệu Thị H có tổng giá trị là 210.000đ (Hai trăm mười nghìn đồng): Xét thấy tài sản có giá trị dưới 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và bản thân Cao Văn P chưa có tiền án, tiền sự về hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản nên không xem xét, xử lý, HĐXX xét thấy là phù hợp.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38, 47; 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Điều 106; 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Cao Văn P** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[2]. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Cao Văn P 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

[3]. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) chiếc xà cày bằng sắt phi 8, dài 85cm và 01 (Một) ổ khóa bằng inox, nhãn hiệu Việt Tiệp gắn với 01 (Một) thanh ngang ổ khóa bị gãy.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận ngày 28/01/2026 giữa Công an tỉnh T với Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Thái Nguyên).

[4]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Láng

Hoàng Thị Thào

Nguyễn Thị Thùy Linh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 9 - Thái Nguyên;
- CQCSĐT CAT Thái Nguyên;
- Phòng Hồ sơ CAT Thái Nguyên;
- Công an xã Chợ Rã;
- Phòng THADS KV9 - Thái Nguyên;
- THAHS;
- Bị cáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Bị hại;
- NCQLNVLQ;
- Lưu HSVA; Văn thư.

Nguyễn Thị Thùy Linh

Mẫu số 27-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN⁽¹⁾.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Bản án số:...../.....⁽²⁾/HS-ST

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày.....-.....-.....⁽³⁾

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN.....⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà)

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà)

Ông (Bà)

Ông (Bà)

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁶⁾

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁷⁾.....tham gia phiên tòa:

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾

xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:....../.../TLST-HS ngày...tháng...năm...theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:....../.../QĐXXST-HS ngày...tháng...năm... đối với bị cáo (các bị cáo):

⁽¹¹⁾sinh ngày.....tháng..... năm.....tại

Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học vấn).....; dân tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....; con ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con; ⁽¹²⁾tiền án.....,tiền sự.....; nhân thân.....; bị bắt, tạm giam ngày⁽¹³⁾.....

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:*⁽¹⁴⁾

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú....., nghề nghiệp..... là⁽¹⁵⁾.....

- *Người bào chữa cho bị cáo:*⁽¹⁶⁾ ...

.....
- *Bị hại:*⁽¹⁷⁾

.....
- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*⁽¹⁸⁾

.....
- *Nguyên đơn dân sự:*⁽¹⁹⁾

.....
- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:*⁽²⁰⁾

.....
- *Bị đơn dân sự:*⁽²¹⁾

.....
- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:*⁽²²⁾

.....
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*⁽²³⁾

.....
- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*⁽²⁴⁾ ...

.....
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân sự,.....):*⁽²⁵⁾.....

.....
- *Người tham gia tố tụng khác:*⁽²⁶⁾.....

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: ⁽²⁸⁾

[1].....
.....
[2].....
.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào ⁽²⁹⁾.....
.....
(30) ...
...
(31) ...
.....
.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành

chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn L (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh H2 bào chữa cho Nguyễn Văn C1); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội L2 bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)